

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2024 KHỐI TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND huyện Hớn Quản)

Đvt: Đồng

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7
I	Khối mầm non	49.598.789.000	-	(981.229.000)	48.617.560.000	
1	Trường Mầm non Thanh An	5.493.563.000		(208.185.000)	5.285.378.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 13.896.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023 - 2024: 6.560.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (157.481.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (71.160.000) đồng.
2	Trường Mầm non Đồng Nơ	3.827.692.000		(65.809.000)	3.761.883.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 66.271.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (77.616.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (54.464.000) đồng.
3	Trường Mầm non Phước An	4.152.140.000		(31.245.000)	4.120.895.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 94.716.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (69.930.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (56.031.000) đồng.
4	Trường Mầm non Tân Khai	4.493.400.000		(115.793.000)	4.377.607.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 106.904.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (162.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (60.697.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
5	Trường Mầm non Tân Lợi	3.336.222.000		80.226.000	3.416.448.000	- Điều chỉnh lương và các khoản có tính chất lương: (19.307.000) đồng; - Kinh phí truy lĩnh phụ cấp ưu đãi năm 2021, 2022: 193.204.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023 - 2024: 2.880.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (54.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (42.551.000) đồng.
6	Trường Mầm non Thanh Bình	2.657.107.000		(115.041.000)	2.542.066.000	- Điều chỉnh lương và các khoản có tính chất lương: (23.008.000) đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023 - 2024: 480.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (54.365.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (38.148.000) đồng.
7	Trường Mầm non Tân Hưng	3.967.254.000		(48.137.000)	3.919.117.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 92.879.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023-2024: 640.000 đồng; - Kinh phí hướng dẫn tập sự theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP: 5.643.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (96.228.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (51.071.000) đồng).
8	Trường Mầm non Minh Đức	2.926.953.000		(36.865.000)	2.890.088.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 68.436.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (64.522.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (40.779.000) đồng).
9	Trường Mầm non Tân Hiệp	3.460.300.000		(116.864.000)	3.343.436.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 20.017.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023-2024: 400.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (88.196.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (49.085.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
10	Trường Mầm non Minh Tâm	2.187.438.000		(79.623.000)	2.107.815.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 33.760.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023-2024: 960.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (83.848.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (30.495.000) đồng.
11	Trường Mầm non An Khương	3.066.277.000		(206.037.000)	2.860.240.000	- Điều chỉnh lương và các khoản có tính chất lương: (75.692.000) đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023-2024: 2.400.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (90.324.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (42.421.000) đồng.
12	Trường Mầm non Tân Quan	3.952.213.000		(75.201.000)	3.877.012.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 29.903.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023-2024: 1.600.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (54.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (52.704.000) đồng.
13	Trường Mầm non An Phú	2.783.518.000		(129.128.000)	2.654.390.000	- Điều chỉnh lương và các khoản có tính chất lương, hoạt động: (53.099.000) đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2023-2024: 800.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (40.230.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (36.599.000) đồng.
14	Trường Mầm non Tân Khai B	3.294.712.000		166.473.000	3.461.185.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 321.139.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (108.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (46.666.000) đồng.
II	Khối tiểu học	48.628.870.000	-	3.909.130.000	52.538.000.000	

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
15	Trường Tiểu Học Thanh An	8.756.039.000		482.476.000	9.238.515.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 371.536.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 167.891.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 27.720.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời, tổng phụ trách đội năm học 2023-2024: 4.495.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 34.800.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (123.966.000) đồng.
16	Trường Tiểu Học Trà Thanh	5.338.137.000		399.164.000	5.737.301.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 263.948.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 155.802.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 18.900.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời, tổng phụ trách đội năm học 2023-2024: 2.245.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 33.800.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (75.531.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
17	Trường Tiểu Học Tân Hưng A	8.824.528.000		1.119.035.000	9.943.563.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 300.379.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 866.398.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 32.760.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 46.800.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (127.302.000) đồng.
18	Trường Tiểu Học Tân Hưng B	4.708.454.000		633.941.000	5.342.395.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 286.290.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 396.996.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 15.120.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2023-2024: 3.600.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (68.065.000) đồng.
19	Trường Tiểu Học Tân Khai A	9.113.643.000		393.666.000	9.507.309.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 373.677.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 129.560.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 28.980.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời, tổng phụ trách đội năm học 2023-2024: 3.900.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (142.451.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
20	Trường Tiểu Học Tân Khai B	5.213.256.000		408.361.000	5.621.617.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 287.072.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 181.652.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 20.268.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (80.631.000) đồng.
21	Trường Tiểu Học Đồng Nơ	6.674.813.000		472.487.000	7.147.300.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 295.149.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 256.248.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 18.900.000 đồng; - Kinh phí hướng dẫn tập sự theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP: 6.480.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (104.290.000) đồng.
22	Khối THCS	32.929.863.000	-	637.526.000	33.567.389.000	
23	Trường THCS Tân Hưng	8.246.689.000		385.885.000	8.632.574.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 423.814.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 157.118.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 25.200.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2023-2024: 13.600.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (110.982.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (122.865.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chính		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
24	Trường THCS Thanh An	8.473.616.000		149.905.000	8.623.521.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 378.044.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 62.464.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 26.460.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời, tổng phụ trách đội năm học 2023-2024: 5.400.000 đồng - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch năm 2024: 48.816.000 đồng - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 31.193.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (272.160.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (130.312.000) đồng.
25	Trường THCS Đồng Nơ	5.817.804.000		11.949.000	5.829.753.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 246.301.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 18.900.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (160.511.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (92.741.000) đồng.
26	Trường THCS Tân Khai	10.391.754.000		89.787.000	10.481.541.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 498.140.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 147.475.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 35.280.000 đồng; - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch năm 2024: 48.048.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (479.640.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (159.516.000) đồng.
IV	Khối TH&THCS	90.545.882.000	404.098.000	6.208.062.000	97.158.042.000	

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
27	Trường Tiểu Học &THCS An Khương	10.369.275.000		1.142.533.000	11.511.808.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 512.232.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 726.723.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 39.744.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 146.100.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (128.206.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (154.060.000) đồng.
28	Trường Tiểu Học &THCS An Phú	8.143.130.000		620.675.000	8.763.805.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 426.985.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 350.761.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 27.720.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời, tổng phụ trách đội, Bí thư Đoàn thanh niên năm học 2023-2024: 5.600.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (72.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (118.391.000) đồng.
29	Trường Tiểu Học &THCS Minh Đức	7.170.502.000		432.564.000	7.603.066.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 313.880.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 337.434.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nấng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 28.980.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời, tổng phụ trách đội, Bí thư Đoàn thanh niên năm học 2023-2024: 5.400.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (141.079.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (112.051.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
30	Trường Tiểu Học &THCS Tân Hiệp	11.506.309.000		225.054.000	11.731.363.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 205.798.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 304.285.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 50.400.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 17.100.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (172.116.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (180.413.000) đồng.
31	Trường Tiểu Học &THCS Tân Lợi	12.604.848.000		1.687.054.000	14.291.902.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 265.944.000 đồng; - Kinh phí truy lĩnh phụ cấp ưu đãi năm 2021, 2022: 817.437.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 815.348.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 39.060.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời, tổng phụ trách đội năm học 2023-2024: 6.900.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 17.100.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (93.960.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (180.775.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
32	Trường Tiểu Học &THCS Phước An	13.909.151.000		1.072.609.000	14.981.760.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 637.047.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 393.622.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 44.100.000 đồng; - Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi đối với bà Nguyễn Thị Thủy theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/06/2023 của Chính phủ: 226.252.000 đồng; - Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi đối với ông Điều Lộc theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/06/2023 của Chính phủ: 205.054.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 1.000.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (229.079.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (205.387.000) đồng.
33	Trường Tiểu Học &THCS Tân Quan	11.605.746.000	404.098.000	313.898.000	12.323.742.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 448.452.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 95.655.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 42.840.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 6.000.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024: 43.200.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (140.400.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (181.849.000) đồng.

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2024	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh năm 2024	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
34	Trường Tiểu Học &THCS Thanh Bình	7.492.154.000		328.820.000	7.820.974.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 259.924.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 153.223.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 25.056.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 4.800.000 đồng; - Kinh phí cải tạo, sửa chữa hệ thống điện trường TH&THCS Thanh Bình: 95.000.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (91.839.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (117.344.000) đồng.
35	Trường Tiểu Học & THCS Minh Tâm	7.744.767.000		384.855.000	8.129.622.000	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 335.651.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2023-2024: 172.814.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 24.570.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2023-2024: 3.745.000 đồng; - Kinh phí truy lĩnh phụ cấp thâm niên giáo viên từ tháng 01/2014 đến tháng 08/2015: 62.119.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2024: (95.040.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (119.004.000) đồng.
TỔNG CỘNG		221.703.404.000	404.098.000	9.773.489.000	231.880.991.000	